

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 11 năm 2022
Về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các hội thẩm nhân: Ông Hoàng Quốc Tuấn – Ông Nguyễn Quang Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1993; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Phí Quang T1, sinh năm 1981; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 39, Phân trại số 1, Trại giam H – Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phí Quang T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái vào ngày 01 tháng 10 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T1 mãi chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Chị và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi. Năm 2019, anh T1 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 năm tù về

tội Cướp tài sản. Hiện anh T1 phải đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam H – Bộ Công an. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 01 con chung là cháu Phí Gia H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, bị đơn anh Phí Quang T1 trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng do anh vi phạm pháp luật nên chị T làm đơn yêu cầu xin ly hôn, anh không đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T được đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất với chị T vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Tuy nhiên, từ khi anh đi chấp hành án đến nay, chị T để cháu H lại cho ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, để đảm bảo cuộc sống và sức khỏe của cháu H, anh đề nghị Tòa án giao cháu cho gia đình anh nuôi dưỡng cháu.

Về chia tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con; Bị đơn anh Phí Quang T1 có hộ khẩu thường trú tại Tổ 15, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T và bị đơn anh Phí Quang T1 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn với anh Phí Quang T1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T trình bày sau khi kết hôn chị và anh T1 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T1 không tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ con. Hiện anh T1 đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam H - Bộ Công an. Anh T1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T1 không đưa ra biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác anh T1 vi phạm pháp luật

đã bị xử phạt tù. Do đó, có căn cứ xác định anh chị có mâu thuẫn như chị T trình bày, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở cần chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T1 có 01 con chung là cháu Phí Gia H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018. Việc giao con chung chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trước hết phải đảm bảo quyền lợi và không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con.

Xét thấy anh T1 đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện để trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H. Do vậy, nên giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Phí Quang T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phí Gia H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Phí Quang T1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0000405, ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Phí Quang T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
 - VKSND TP.Yên Bái;
 - Chi cục THADS TP.Yên Bái;
 - Các đương sự;
 - UBND P.Y, TP.Y
- (Số GCNKH 35 ngày 01/10/2017);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến